ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: **27/02/2022** PHÒNG THI: **01** MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.27.02.3B-001	Võ Thiên Ân	26/12/1980	Nam	Kinh	Cần Thơ
2	TN.27.02.3B-002	Võ Tá Anh	06/06/1988	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
3	TN.27.02.3B-003	Đinh Thị Vân Anh	20/10/1983	Nữ	Kinh	Kon Tum
4	TN.27.02.3B-004	Lý Thị Quỳnh Anh	02/021984	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
5	TN.27.02.3B-005	Đặng Thuý Anh	15/02/1981	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh
6	TN.27.02.3B-006	Đỗ Vũ Tuấn Anh	18/09/1981	Nam	Kinh	Hà Nội
7	TN.27.02.3B-007	Phạm Quang Anh	20/02/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
8	TN.27.02.3B-008	Lê Hoàng Anh	11/08/1981	Nam	Kinh	Hà Nội
9	TN.27.02.3B-009	Nguyễn Mai Anh	06/10/1986	Nữ	Kinh	Hà Nội
10	TN.27.02.3B-010	Nguyễn Trúc Anh	28/06/1996	Nữ	Kinh	Hà Nội
11	TN.27.02.3B-011	Dương Ngọc Anh	12/08/1974	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	TN.27.02.3B-012	Hoàng Nam Bắc	09/04/1979	Nam	Kinh	TP HCM
13	TN.27.02.3B-013	Phạm Quốc Bình	11/03/1980	Nam	Kinh	Đồng Nai
14	TN.27.02.3B-014	Ngô Thị Cam	19/05/1973	Nữ	Kinh	Quảng Nam
15	TN.27.02.3B-015	Hà Thị Cúc	06/08/1980	Nữ	Kinh	Thanh Hóa
16	TN.27.02.3B-016	Nguyễn Thị Cúc	03/11/1983	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
17	TN.27.02.3B-017	Nguyễn Hồ Kim Cương	01/01/1991	Nữ	Kinh	Cà Mau
18	TN.27.02.3B-018	Nguyễn Văn Cường	20/11/1988	Nam	Kinh	Hải Dương
19	TN.27.02.3B-019	Nguyễn Hiếu Cường	22/11/1995	Nam	Kinh	Quảng Trị
20	TN.27.02.3B-020	Dương Mạnh Cường	28/10/1997	Nam	Kinh	Bắc Kạn
21	TN.27.02.3B-021	Trần Thành Dân	20/06/1998	Nam	Kinh	Bình Định
22	TN.27.02.3B-022	Đặng Ngọc Danh	26/03/1999	Nam	Kinh	Bình Định
23	TN.27.02.3B-023	Nguyễn Thị Diễn	18/03/1991	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
24	TN.27.02.3B-024	Lưu Thị Diệu	24/05/1986	Nữ	Kinh	Thái Bình
25	TN.27.02.3B-025	Tường Thế Đoàn	06/09/1979	Nam	Kinh	Hưng Yên
26	TN.27.02.3B-026	Nguyễn Xuân Đoàn	15/09/1982	Nam	Kinh	Quảng Ninh
27	TN.27.02.3B-027	Nguyễn Thị Kim Đông	01/05/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam
28	TN.27.02.3B-028	Nguyễn Việt Đức	19/08/1975	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
29	TN.27.02.3B-029	Hà Anh Đức	03/10/1972	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
30	TN.27.02.3B-030	Bùi Tô Đông Đức	26/08/1975	Nam	Kinh	TP HCM

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: **27/02/2022** PHÒNG THI: **02** MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.27.02.3B-031	Hoàng Minh Đức	11/03/1982	Nam	Kinh	Hưng Yên
2	TN.27.02.3B-032	Nguyễn Thanh Đức	12/07/1999	Nam	Kinh	Bình Định
3	TN.27.02.3B-033	Nguyễn Thị Dung	12/03/1983	Nữ	Kinh	Hà Nội
4	TN.27.02.3B-034	Lê Thị Hồng Dung	23/11/1986	Nữ	Kinh	Tiền Giang
5	TN.27.02.3B-035	Đặng Tiến Dũng	02/10/1978	Nam	Kinh	Thái Bình
6	TN.27.02.3B-036	Hoàng Thuỳ Dương	10/07/1992	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế
7	TN.27.02.3B-037	Nguyễn Hải Dương	28/10/1982	Nam	Kinh	Bắc Giang
8	TN.27.02.3B-038	Trương Văn Hoàng Dương	13/04/1971	Nam	Kinh	Cần Thơ
9	TN.27.02.3B-039	Phạm Trương Thuỳ Dương	28/02/1990	Nữ	Kinh	Cần Thơ
10	TN.27.02.3B-040	Nguyễn Thái Dương	01/01/1992	Nam	Kinh	Bình Dương
11	TN.27.02.3B-041	Nguyễn Thùy Dương	29/01/1993	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	TN.27.02.3B-042	Nguyễn Thị Giang	18/11/1981	Nữ	Kinh	Nam Định
13	TN.27.02.3B-043	Bùi Thị Thùy Giao	24/09/1998	Nữ	Kinh	Quảng Nam
14	TN.27.02.3B-044	Nguyễn Thị Thu Hà	17/10/1976	Nữ	Kinh	Kon Tum
15	TN.27.02.3B-045	Phạm Duy Hà	20/03/1978	Nam	Kinh	Phú Thọ
16	TN.27.02.3B-046	Trần Sơn Hải	28/12/1977	Nam	Kinh	Phú Yên
17	TN.27.02.3B-047	Trương Vũ Hải	14/07/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam
18	TN.27.02.3B-048	Hồ Thị Hải Hân	26/10/1986	Nữ	Kinh	Hà Tỉnh
19	TN.27.02.3B-049	Nguyễn Thúy Hằng	17/08/1980	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	TN.27.02.3B-050	Hoàng Thị Hồng Hạnh	09/08/1981	Nữ	Kinh	Phú Thọ
21	TN.27.02.3B-051	Y Nguyễn Thị Thu Hảo	21/10/1984	Nữ	Dẻ	Kon Tum
22	TN.27.02.3B-052	Phạm Trung Hiền	14/06/1994	Nam	Kinh	Ninh Thuận
23	TN.27.02.3B-053	Đỗ Thị Thu Hiền	10/11/1981	Nữ	Kinh	Hà Nội
24	TN.27.02.3B-054	Hà Thị Thúy Hiền	16/10/1980	Nữ	Kinh	Thái Bình
25	TN.27.02.3B-055	Phạm Minh Hiếu	07/06/1999	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
26	TN.27.02.3B-056	Nguyễn Thị Thúy Hiếu	08/02/1980	Nam	Kinh	Bắc Ninh
27	TN.27.02.3B-057	Nguyễn Thị Hoa	03/07/1981	Nữ	Kinh	Bắc Giang
28	TN.27.02.3B-058	Đặng Thanh Hoà	26/03/1974	Nam	Kinh	Thanh Hoá
29	TN.27.02.3B-059	Phạm Thị Thanh Hoàn	21/04/1977	Nữ	Kinh	Hải Phòng
30	TN.27.02.3B-060	Tài Đại Hoàng	08/05/1991	Nam	Kinh	Ninh Thuận

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: **27/02/2022** PHÒNG THI: **03** MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.27.02.3B-061	Trịnh Huy Hoàng	31/01/1993	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	TN.27.02.3B-062	Lê Thị Ánh Hồng	28/08/1995	Nữ	Kinh	Gia Lai
3	TN.27.02.3B-063	Đoàn Văn Hùng	09/10/1971	Nam	Kinh	Nam Định
4	TN.27.02.3B-064	Đặng Việt Hùng	02/01/1981	Nam	Kinh	Nghệ Tĩnh
5	TN.27.02.3B-065	Huỳnh Văn Hưng	20/10/1973	Nam	Kinh	Khánh Hoà
6	TN.27.02.3B-066	Nguyễn Mạnh Hưng	30/05/1975	Nam	Kinh	Hà Nội
7	TN.27.02.3B-067	Nguyễn Lan Hương	29/05/1976	Nữ	Kinh	Hà Nội
8	TN.27.02.3B-068	Vũ Thị Diệu Hương	23/07/1982	Nữ	Kinh	Hà Nội
9	TN.27.02.3B-069	Vũ Minh Hường	09/06/1984	Nữ	Kinh	Hà Nội
10	TN.27.02.3B-070	Huỳnh Công Hữu	14/02/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam
11	TN.27.02.3B-071	Trần Văn Hửu	12/01/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
12	TN.27.02.3B-072	Phùng Thắng Huy	21/03/1989	Nam	Kinh	Đà Nẵng
13	TN.27.02.3B-073	Phùng Bảo Huy	19/05/1988	Nam	Kinh	Quảng Nam
14	TN.27.02.3B-074	Hoàng Thị Minh Huyền	13/06/1988	Nữ	Kinh	Hải Phòng
15	TN.27.02.3B-075	Nguyễn Thu Huyền	09/04/1993	Nữ	Kinh	Hà Nội
16	TN.27.02.3B-076	Bạch Thị Thanh Huyền	15/04/1975	Nữ	Kinh	Hà Nội
17	TN.27.02.3B-077	Nguyễn Ngọc Huyền	22/07/1995	Nữ	Kinh	Hà Nội
18	TN.27.02.3B-078	Nguyễn Minh Khánh	02/01/1989	Nam	Kinh	Cần Thơ
19	TN.27.02.3B-079	Lâm Hoàng Khiêm	03/02/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
20	TN.27.02.3B-080	Huỳnh Đăng Khoa	22/08/1986	Nam	Kinh	Sóc Trăng
21	TN.27.02.3B-081	Vũ Văn Kiểm	01/02/1988	Nam	Kinh	Ninh Bình
22	TN.27.02.3B-082	Trương Nữ Ngọc Kim	19/11/1992	Nữ	Kinh	Ninh Thuận
23	TN.27.02.3B-083	Nguyễn Phương Lâm	21/10/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội
24	TN.27.02.3B-084	Đàm Thị Lành	26/10/1996	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
25	TN.27.02.3B-085	Nguyễn Thị Kim Liên	26/04/1981	Nữ	Kinh	Nghệ An
26	TN.27.02.3B-086	Trần Thị Bích Liên	21/03/1969	Nữ	Kinh	Hà Nội
27	TN.27.02.3B-087	Lê Thị Kim Liên	13/08/1977	Nữ	Kinh	Hà Nội
28	TN.27.02.3B-088	Ngô Thị Thảo Linh	24/01/1995	Nữ	Kinh	Nghệ An
29	TN.27.02.3B-089	Trần Thị Nhật Linh	10/05/1998	Nữ	Kinh	Quảng Trị
30	TN.27.02.3B-090	Trần Ái Ngọc Linh	22/07/1998	Nữ	Kinh	Phú Yên

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: **27/02/2022** PHÒNG THI: **04** MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.27.02.3B-091	Nguyễn Khánh Linh	16/12/1996	Nữ	Kinh	Hà Nội
2	TN.27.02.3B-092	Nguyễn Ngọc Linh	28/12/1995	Nữ	Kinh	Hà Nội
3	TN.27.02.3B-093	Trần Thị Minh Loan	11/05/1973	Nữ	Kinh	Hà Nội
4	TN.27.02.3B-094	Nguyễn Hoàng Long	08/06/1988	Nam	Kinh	Đà Nẵng
5	TN.27.02.3B-095	Nguyễn Mã Lương	02/03/1978	Nam	Kinh	Bác Ninh
6	TN.27.02.3B-096	Nông Hương Ly	07/11/1984	Nữ	Kinh	Sơn La
7	TN.27.02.3B-097	Nguyễn Thị Trúc Ly	08/11/1999	Nữ	Kinh	Quảng Nam
8	TN.27.02.3B-098	Trần Thị Ngọc Mai	25/01/1996	Nữ	Kinh	Thái Bình
9	TN.27.02.3B-099	Đào Quang Mạnh	29/09/1995	Nam	Kinh	Lâm Đồng
10	TN.27.02.3B-100	Va Ri Nhông Thị Minh	20/01/1996	Nữ	Raglai	Ninh Thuận
11	TN.27.02.3B-101	Nguyễn Nhật Minh	02/10/2000	Nam	Kinh	Thái Bình
12	TN.27.02.3B-102	Phạm Hồng Minh	01/01/1981	Nữ	Kinh	Hà Nội
13	TN.27.02.3B-103	Phan Thị Phước Mỹ	05/10/1988	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh
14	TN.27.02.3B-104	Nguyễn Phương Nam	14/01/1975	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh
15	TN.27.02.3B-105	Hoàng Hữu Nam	05/12/1982	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	TN.27.02.3B-106	Tống Giang Nam	10/05/1986	Nam	Kinh	Ninh Bình
17	TN.27.02.3B-107	Nguyễn Thị Vân Nam	05/02/1984	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
18	TN.27.02.3B-108	Nguyễn Ngọc Nam	18/05/1990	Nam	Kinh	Thái Bình
19	TN.27.02.3B-109	Lê Thúy Nga	22/05/1972	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	TN.27.02.3B-110	Phạm Thị Ngọc Ngân	21/03/1982	Nữ	Kinh	Long An
21	TN.27.02.3B-111	Nguyễn Kim Ngân	24/09/2000	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
22	TN.27.02.3B-112	Nguyễn Bích Ngọc	10/11/1975	Nữ	Kinh	Hà Nội
23	TN.27.02.3B-113	Hoàng Thị Kim Ngọc	24/05/1985	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
24	TN.27.02.3B-114	Bùi Thị Diệu Ngọc	17/09/1972	Nữ	Kinh	Hà Nội
25	TN.27.02.3B-115	Đỗ Phương Ánh Ngọc	14/11/1983	Nữ	Kinh	Hà Nội
26	TN.27.02.3B-116	Mai Quốc Phúc Nguyên	27/01/1991	Nam	Kinh	Kon Tum
27	TN.27.02.3B-117	Nguyễn Trí Nguyễn	18/01/1992	Nam	Kinh	Cà Mau
28	TN.27.02.3B-118	Dương Thanh Nhã	11/07/1995	Nữ	Kinh	Tiền Giang
29	TN.27.02.3B-119	Nguyễn Thành Nhật	10/11/1988	Nam	kinh	TP Hồ Chí Minh
30	TN.27.02.3B-120	Mai Long Nhật	21/08/1998	Nam	Kinh	Bình Định

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: **27/02/2022** PHÒNG THI: **05** MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.27.02.3B-121	Nguyễn Phan Thảo Nhi	04/03/1997	Nữ	Kinh	TP HCM
2	TN.27.02.3B-122	Nguyễn Thị Yến Nhi	03/08/1991	Nữ	Kinh	Cà Mau
3	TN.27.02.3B-123	Lê Thị Thảo Nhi	20/04/1995	Nữ	Kinh	Đồng Nai
4	TN.27.02.3B-124	Nguyễn Đăng Nhỡn	04/08/1965	Nam	Kinh	Thái Bình
5	TN.27.02.3B-125	Nguyễn Thị Nhuận	23/10/1989	Nữ	Kinh	Quảng Bình
6	TN.27.02.3B-126	Lê Hoàng Danh Nhựt	07/11/1966	Nữ	Kinh	Vũng Tàu
7	TN.27.02.3B-127	Nguyễn Thị Mỹ Ninh	21/04/1974	Nữ	Kinh	Thừa Thien Huế
8	TN.27.02.3B-128	A WI NÔ	10/01/1987	Nam	Dơ Dra	Kon Tum
9	TN.27.02.3B-129	Mai Thị Lan Oanh	28/05/1994	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
10	TN.27.02.3B-130	Mai Kiều Oanh	01/01/1983	Nữ	Kinh	Cà Mau
11	TN.27.02.3B-131	Đảo Đình Phong	27/04/1996	Nam	Kinh	Sóc Trăng
12	TN.27.02.3B-132	Huỳnh Thanh Phong	23/12/1982	Nam	Kinh	Sóc Trăng
13	TN.27.02.3B-133	Hoàng Việt Phương	27/10/1982	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	TN.27.02.3B-134	Trần Thị Phượng	28/04/1999	Nữ	Kinh	Hưng Yên
15	TN.27.02.3B-135	Tô Xuân Quân	28/09/1974	Nam	Kinh	Hà Nội
16	TN.27.02.3B-136	Trần Lê Quang	01/06/1992	Nam	Kinh	Bình Định
17	TN.27.02.3B-137	Hoàng Xuân Quang	02/09/1980	Nam	Kinh	Hà Nội
18	TN.27.02.3B-138	Nguyễn Văn Minh Quang	16/02/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
19	TN.27.02.3B-139	Trịnh Thị Kim Quế	18/01/1978	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	TN.27.02.3B-140	Chế Thị Quý	17/03/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
21	TN.27.02.3B-141	Nguyễn Thanh Quyên	19/02/1999	Nữ	Kinh	Quảng Nam
22	TN.27.02.3B-142	Đàm Nguyễn Hương Quỳnh	11/06/1995	Nữ	Kinh	Hà Nội
23	TN.27.02.3B-143	Võ Đình Sang	21/11/1999	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
24	TN.27.02.3B-144	Giáp Ngọc Sáng	19/08/1989	Nam	Kinh	Bắc Giang
25	TN.27.02.3B-145	Đặng Minh Soa	18/11/1975	Nam	Kinh	Nghệ An
26	TN.27.02.3B-146	Đặng Xuân Sơn	25/10/1999	Nam	Kinh	Quảng Bình
27	TN.27.02.3B-147	Nguyễn Văn Sơn	18/12/1978	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
28	TN.27.02.3B-148	Nguyễn Văn Sơn	01/09/1978	Nam	Kinh	Hải Dương
29	TN.27.02.3B-149	Trương Tiến Tài	30/05/1983	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
30	TN.27.02.3B-150	Phùng Anh Tài	18/04/1982	Nam	Kinh	Đà Nẵng

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: **27/02/2022** PHÒNG THI: **06** MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.27.02.3B-151	Trần Thanh Tâm	08/08/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
2	TN.27.02.3B-152	Nguyễn Thành Tâm	15/09/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
3	TN.27.02.3B-153	Nguyễn Thị Thắm	09/04/1980	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
4	TN.27.02.3B-154	Nguyễn Chiến Thắng	10/10/1990	Nam	Kinh	Tiền Giang
5	TN.27.02.3B-155	Lê Đức Thắng	17/02/1999	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
6	TN.27.02.3B-156	Phạm Ngọc Thanh	01/09/1969	Nữ	Kinh	Thanh Hóa
7	TN.27.02.3B-157	Ngô Quang Thanh	26/05/1979	Nam	Kinh	Bắc Giang
8	TN.27.02.3B-158	Thiều Thị Thành	28/10/1978	Nữ	Kinh	Hà Nội
9	TN.27.02.3B-159	Trần Đoàn Phương Thảo	08/04/1983	Nữ	Kinh	Cần Thơ
10	TN.27.02.3B-160	Nguyễn Thị Thảo	12/01/1984	Nữ	Kinh	Bắc Giang
11	TN.27.02.3B-161	Phạm Đức Thạo	19/09/1968	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	TN.27.02.3B-162	Phạm Văn Thiết	08/10/1977	Nam	Kinh	Nam Định
13	TN.27.02.3B-163	Nguyễn Sĩ Thiệu	02/02/1988	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	TN.27.02.3B-164	Phạm Hữu Thọ	07/09/1976	Nam	Kinh	Hà Nội
15	TN.27.02.3B-165	Lê Thị Lệ Thu	14/06/1983	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
16	TN.27.02.3B-166	Nguyễn Thị Thu	14/05/1999	Nữ	Kinh	Nam Định
17	TN.27.02.3B-167	Vũ Thị Quỳnh Thư	10/08/1997	Nữ	Kinh	Quảng Nam
18	TN.27.02.3B-168	Nguyễn Thị Yến Thư	13/06/1976	Nữ	Kinh	TP HCM
19	TN.27.02.3B-169	Vũ Thị Anh Thư	13/11/1996	Nữ	Kinh	Ninh Bình
20	TN.27.02.3B-170	Bùi Anh Thư	08/12/1977	Nữ	Kinh	Hà Nội
21	TN.27.02.3B-171	Nguyễn Thị Kim Thu	03/11/1985	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
22	TN.27.02.3B-172	Lương Thị Bích Thuận	18/12/1976	Nữ	Kinh	Quảng Nam
23	TN.27.02.3B-173	Đỗ Thị Thục	27/021982	Nữ	Kinh	Nam Định
24	TN.27.02.3B-174	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	25/10/1982	Nữ	Kinh	Lai Châu
25	TN.27.02.3B-175	Nguyễn Phương Thúy	16/01/1984	Nữ	Kinh	Hà Nội
26	TN.27.02.3B-176	Trịnh Thị Thủy	24/10/1980	Nữ	Kinh	Hải Dương
27	TN.27.02.3B-177	Đào Thu Thủy	22/11/1986	Nữ	Kinh	Hà Nội
28	TN.27.02.3B-178	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/12/1984	Nữ	Kinh	Hà Nội
29	TN.27.02.3B-179	Nguyễn Quỳnh Trang	16/05/1987	Nữ	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 29 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: **27/02/2022** PHÒNG THI: **07** MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.27.02.3B-180	Lê Thị Thùy Trang	08/05/1995	Nữ	Kinh	Ninh Thuận
2	TN.27.02.3B-181	Võ Thị Xuân Trang	01/05/1985	Nữ	Kinh	TP Hồ Chí Minh
3	TN.27.02.3B-182	Lại Thị Thùy Trang	08/77/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
4	TN.27.02.3B-183	Lê Thùy Trang	15/07/1982	Nữ	Kinh	Hà Nội
5	TN.27.02.3B-184	Trần Thị Phương Trinh	12/02/1997	Nữ	Kinh	Ninh Thuận
6	TN.27.02.3B-185	Trần Hải Trọng	13/01/1999	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
7	TN.27.02.3B-186	Hoàng Văn Trung	13/08/1977	Nam	Kinh	TP HCM
8	TN.27.02.3B-187	Trần Đức Trung	30/07/1982	Nam	Kinh	Hà Nội
9	TN.27.02.3B-188	Hồ Xuân Trung	15/03/1973	Nữ	Kinh	Cao Bằng
10	TN.27.02.3B-189	Đặng Văn Trường	22/09/1987	Nam	Kinh	Tiền Giang
11	TN.27.02.3B-190	Nguyễn Quốc Tú	29/10/1988	Nam	Kinh	Tp Hồ Chí Minh
12	TN.27.02.3B-191	Nguyễn Văn Tú	10/12/1995	Nam	Kinh	Ninh Bình
13	TN.27.02.3B-192	Nguyễn Mạnh Tuấn	02/11/1986	Nam	Kinh	Hà Nội
14	TN.27.02.3B-193	Đoàn Thanh Tùng	17/12/1981	Nam	Kinh	Hà Nội
15	TN.27.02.3B-194	Nguyễn Anh Tùng	02/03/1976	Nam	Kinh	Hòa Bình
16	TN.27.02.3B-195	Nguyễn Đình Tuyên	15/05/1984	Nam	Kinh	Khánh Hòa
17	TN.27.02.3B-196	Lê Trần Phương Uyên	18/03/1998	Nữ	Kinh	Quảng Trị
18	TN.27.02.3B-197	Nguyễn Thị Thuỳ Vân	30/06/1978	Nữ	Kinh	Tây Ninh
19	TN.27.02.3B-198	Hoàng Thị Vân	21/10/1986	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
20	TN.27.02.3B-199	Trương Hưng Việt	29/09/1978	Nam	Kinh	Bắc Giang
21	TN.27.02.3B-200	Phạm Tấn Việt	04/03/1999	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
22	TN.27.02.3B-201	Bùi Ngọc Việt	23/08/1987	Nam	Kinh	Hà Nội
23	TN.27.02.3B-202	Nguyễn Như Vinh	27/07/1994	Nam	Kinh	Hà Nội
24	TN.27.02.3B-203	Võ Thị Hồng Vinh	12/01/1982	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
25	TN.27.02.3B-204	Mai Đăng Vinh	19/09/1992	Nam	Kinh	Đà Nẵng
26	TN.27.02.3B-205	Tiêu Viết Ý	02/09/1999	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
27	TN.27.02.3B-206	Đặng Kim Yến	18/03/1997	Nữ	Kinh	Nam Định
28	TN.27.02.3B-207	Đồng Thị Yến	10/10/1997	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
29	TN.27.02.3B-208	Đinh Hải Yến	27/03/1984	Nữ	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 29 thí sinh./.